

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 24/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Xóm V, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm V Trên, xã N, tỉnh Phú Thọ)

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1960 và ông Quách Văn C, sinh năm 1983. Cùng trú tại: Xóm V, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm V Trên, xã N, tỉnh Phú Thọ).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Bùi Văn N, sinh năm 1991; bà Bùi Thị T1, sinh năm 1989 cùng trú tại xóm V, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm V Trên, xã N, tỉnh Phú Thọ); bà Bùi Thị L1, sinh năm 1975. Nơi cư trú Cọi, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm C, xã Y, tỉnh Phú Thọ); bà Bùi Thị N1, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm T, xã M, tỉnh Phú Thọ) - *Đã có văn bản ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Bùi Thị T.*

+ Ông Quách D, sinh năm 1963; ông Quách Văn N2, sinh năm 1966; bà Quách Thị D1, sinh năm 1968; bà Quách Thị N3, sinh năm 1989 cùng trú tại xóm V, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm V Trên, xã N, tỉnh Phú Thọ); bà Quách Thị H, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (nay là Tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng); bà Quách Thị H1, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Xóm K, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm K, xã M, tỉnh Phú Thọ); bà Quách Thị P, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Xóm T, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm T, xã Y, tỉnh Phú Thọ) - *Đã có văn bản*

ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Quách Văn C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ tranh chấp: Bị đơn bà Bùi Thị L và ông Quách Văn C thừa nhận trong quá trình sử dụng đất do sơ xuất về xác định mốc giới nên có vài điểm lấn sang phần đất của nguyên đơn Bùi Thị T. Tuy nhiên trên thực địa cũng có điểm phần đất của nguyên đơn lấn sang phần đất của bị đơn. Nay các bên thống nhất lấy mốc ranh giới theo bản đồ địa chính chính quy, hệ tọa độ VN B, kinh tuyến trực 106⁰, múi chiều 3⁰ (tọa độ X (m) 2270399.54; tọa độ Y(m) 442152.00 xóm Vó Trên, tờ bản đồ số 23 – có sơ đồ kèm theo) là ranh giới phân chia giữa hai thửa đất số 87, tờ bản đồ số 23, diện tích 2093,4m² tại xóm V Trên, xã N, tỉnh Phú Thọ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Văn S do UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 20/07/1991 (hiện do bà Bùi Thị T quản lý, sử dụng) và thửa đất số 74, tờ bản đồ số 23, diện tích 920,2m² tại xóm V Trên, xã N, tỉnh Phú Thọ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Quách Văn B do UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 20/07/1991 (hiện do bà Bùi Thị L và ông Quách Văn C quản lý, sử dụng). Nguyên đơn, bị đơn cam kết phá dỡ phần tường bao đã xây dựng, trả lại các phần đất lấn chiếm theo các điểm mốc đã được các bên xác định trên thực địa và hoàn tất chậm nhất trước ngày 31/03/2026.

Xác nhận sự thỏa thuận của các bên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức cá nhân hay của Nhà nước.

2.2 Về án phí, chi phí tố tụng:

2.2.1. Về án phí: Nguyên đơn Bùi Thị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án dân sự sơ thẩm (bao gồm cả phần án phí mà bị đơn Bùi Thị L, Quách Văn C phải chịu) theo quy định với số tiền là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Được đối trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 0002404 ngày 14/10/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn - Tỉnh Hòa Bình (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực A - Phú Thọ). Nay nguyên đơn không phải nộp thêm nữa và được trả lại 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.2.2. Về chi phí tố tụng: Các bên chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật. Chi phí đo đạc thẩm định là 3.478.737đ (ba triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Theo đó mỗi bên phải chịu ½ chi phí (1.739.368 đồng). Nguyên đơn Bùi Thị T đã nộp toàn bộ chi phí trên tại văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P theo biên lai thu tiền số 00000014 ngày 06/08/2025, nay nguyên đơn không phải thêm nữa.

Bị đơn bà Bùi Thị L, ông Quách Văn C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Bùi Thị T số tiền 1.739.368 đ (một triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng) chi phí tố tụng đo đạc thẩm định.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, nếu chậm trả thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự

2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 15 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Minh Giang